

Số: 44 /KH-THVP4

Vĩnh Phong, ngày 27 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Kế hoạch giáo dục của Trường Tiểu học Vĩnh Phong 4 năm học 2025–2026 được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

Luật Giáo dục năm 2019.

Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý nhà nước trong giáo dục.

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (*áp dụng cho thể thức văn bản kế hoạch*).

Quyết định số 131/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2023 của Bộ GD&ĐT phê duyệt *Chương trình Chuyển đổi số ngành Giáo dục đến 2025, định hướng 2030*.

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành *Điều lệ trường tiểu học*.

Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 về giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật.

Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 hướng dẫn lồng ghép *giáo dục Quốc phòng – An ninh* trong trường tiểu học.

Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định *Khung năng lực số cho học sinh phổ thông*.

Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về tổ chức Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học.

Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 hướng dẫn dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động tin học.

Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về giáo dục địa phương cấp tiểu học.

Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 về triển khai *giáo dục kỹ năng công dân* số ở cấp tiểu học.

Công văn số 4555/BGDĐT-GDTH ngày 05/8/2025 về *hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025–2026*.

Công văn số 4567/BGDĐT-GDTH ngày 05/8/2025 hướng dẫn tổ chức *dạy học 2 buổi/ngày*.

Kế hoạch số 49/KH-SGDĐT ngày 10/5/2024 về phát triển năng lực số cho giáo viên và học sinh.

Công văn số 1273/SGDĐT-GDPT ngày 29/8/2025 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025–2026.

Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về ban hành *Khung kế hoạch thời gian năm học 2025–2026*.

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025–2026 của Trường Tiểu học Vĩnh Phong 4.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Quy mô trường lớp

Năm học 2025–2026, Trường Tiểu học Vĩnh Phong 4 có tổng cộng **15 lớp**, phân bố theo từng khối như sau:

- Khối 1: 03 lớp
- Khối 2: 03 lớp
- Khối 3: 03 lớp
- Khối 4: 03 lớp
- Khối 5: 03 lớp

Tổng số học sinh: **293 em**, trong đó:

- Nữ: **141 em**
- Học sinh dân tộc thiểu số: **08 em**
- Học sinh thuộc hộ nghèo: **07 em**
- Cận nghèo: **11 em**
- Hoàn cảnh khó khăn: **34 em**
- Tỷ lệ huy động học sinh vào lớp 1 đạt **100%**
- **100% học sinh tham gia học 2 buổi/ngày**

Trường có **01 điểm trường chính** và **01 điểm lẻ Căn Cứ**.

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

2.1. Số lượng – cơ cấu

Tổng số: **27 cán bộ, giáo viên, nhân viên**, gồm:

- Ban Giám hiệu: 02
- Giáo viên: 25
 - Trình độ **Đại học**: 23/25 (đạt 92%)
- Đảng viên: 21 đồng chí
- Tỷ lệ giáo viên/lớp: **1,46 GV/lớp**

2.2. Chất lượng đội ngũ

Giáo viên nắm vững Chương trình GDPT 2018; triển khai tương đối tốt quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy, kiểm tra đánh giá theo Thông tư 27.

Năng lực ứng dụng CNTT cơ bản tốt; 100% giáo viên sử dụng vở số, kế hoạch bài dạy số, khai thác học liệu số.

Một số giáo viên còn khó khăn về thiết kế học liệu điện tử, tổ chức trải nghiệm – STEM.

2.3. Điểm mạnh

Tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất, có ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ; tinh thần hợp tác tốt giữa Ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên.

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn 100%, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Khả năng tiếp cận và vận dụng phương pháp dạy học mới tốt; giáo viên chủ động đổi mới hình thức, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin được cải thiện rõ rệt, 100% giáo viên sử dụng phần mềm dạy học, học bạ số, học liệu số; nhiều giáo viên biết khai thác các nền tảng CNTT phục vụ dạy học 2 buổi/ngày.

Tinh thần tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên cao; các tổ chuyên môn duy trì sinh hoạt thường xuyên, có chiều sâu.

Học sinh ngoan, nề nếp tốt; phụ huynh hợp tác, phối hợp hiệu quả với nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

2.4. Hạn chế

Thiếu giáo viên các môn chuyên biệt, gồm: Mỹ thuật, Âm nhạc; thiếu nhân viên kế toán – văn thư – thư viện; nhiều nhiệm vụ đang phải kiêm nhiệm, ảnh hưởng đến chất lượng quản lý và hoạt động chuyên môn.

Điểm lẻ Căn Cứ còn khó khăn về cơ sở vật chất, chưa có phòng học kiên cố; một số giáo viên thiếu điều kiện dạy học trực quan, khó khăn trong ổn định nền nếp và tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Thiết bị dạy học tối thiểu tuy có đủ nhưng đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực.

Một bộ phận giáo viên còn hạn chế trong thiết kế học liệu điện tử, bài học số, các công cụ công nghệ mới.

Điều kiện kinh tế của nhiều gia đình học sinh còn khó khăn, ảnh hưởng đến việc chuẩn bị đồ dùng học tập, tham gia hoạt động trải nghiệm và rèn luyện năng lực số tại nhà.

Công tác xã hội hóa còn hạn chế, chưa huy động được nguồn lực đủ mạnh cho hoạt động giáo dục và sửa chữa cơ sở vật chất.

3. Cơ sở vật chất – thiết bị dạy học

3.1. Phòng học – phòng chức năng

Tổng số phòng học: **19 phòng**, gồm:

- **12 phòng kiên cố**
- **07 phòng cấp 4**
- **01 phòng Tin học**
- **01 phòng thiết bị**
- **Chưa có phòng Nghệ thuật, phòng Ngoại ngữ** theo chuẩn CT2018
- **Điểm lẻ Căn Cứ vẫn thiếu 03 phòng học**, cơ sở vật chất xuống cấp.

3.2. Thiết bị dạy học

Có đủ **Thiết bị tối thiểu** theo danh mục của Bộ (2022), tuy nhiên nhiều bộ thiết bị đã xuống cấp.

Tin học: 15 máy tính (đạt mức tối thiểu cho 01 phòng máy).

Một số môn như Tự nhiên – Xã hội, Lịch sử – Địa lý, Hoạt động trải nghiệm thiếu học cụ trực quan.

Mạng Internet cơ bản ổn định nhưng tại điểm Căn Cứ chưa có hệ thống kết nối.

3.3. Ứng dụng CNTT – chuyển đổi số

100% giáo viên sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ số, bài giảng điện tử.

80% giáo viên biết thiết kế PowerPoint nâng cao, 40% biết ứng dụng công nghệ số khác.

Chưa có nền tảng học tập số thống nhất cho toàn trường.

Học sinh hạn chế thiết bị cá nhân để luyện tập năng lực số.

4. Công tác xã hội hóa – phối hợp cha mẹ học sinh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và các lớp hoạt động tương đối nền nếp; phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc đảm bảo nền nếp học tập, theo dõi việc rèn luyện của học sinh và hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục.

Công tác xã hội hóa được phát huy ở mức phù hợp với điều kiện địa phương; phụ huynh đã **hỗ trợ vệ sinh cảnh quan** và một số nhu cầu thiết yếu khác.

Tuy nhiên, **tỉ lệ phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn còn cao** (34 học sinh), thu nhập không ổn định nên mức độ tham gia hỗ trợ CSVC – học liệu còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến việc chuẩn bị đầy đủ sách vở, thiết bị học tập, cũng như khả năng phối hợp với giáo viên trong việc rèn luyện kỹ năng và hỗ trợ học ở nhà.

Công tác xã hội hóa nhìn chung còn gặp khó khăn do **điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương chưa đồng đều**; nguồn lực huy động từ cộng đồng chưa nhiều, ảnh hưởng đến việc nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung phòng chức năng và thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

Nhà trường vẫn phải trông đợi chủ yếu vào nguồn ngân sách cấp trên; việc cải thiện CSVC và đầu tư thiết bị dạy học còn chậm so với yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

5. Tình hình địa phương và tác động đến việc thực hiện kế hoạch

Xã Vĩnh Phong là địa bàn nông thôn, đời sống người dân nhìn chung còn nhiều khó khăn. Phần lớn phụ huynh làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định theo mùa vụ nên điều kiện đầu tư cho học tập của học sinh còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến việc chuẩn bị học liệu, thiết bị học tập và khả năng tham gia các hoạt động trải nghiệm mở rộng theo định hướng của Chương trình GDPT 2018.

Học sinh có đặc điểm tâm lý ngoan, nền nếp tốt và ít biến động trong quá trình học tập; tuy nhiên, **cơ hội tiếp cận các mô hình trải nghiệm, STEM, hoạt động ngoài nhà trường còn hạn chế**, do điều kiện kinh tế – xã hội địa phương chưa đáp ứng.

Trường có **hai điểm trường (điểm chính và điểm lẻ Căn Cứ)**; vào mùa mưa, giao thông đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm tra chuyên môn, vận chuyển thiết bị và duy trì nền nếp dạy – học; đặc biệt tác động đến việc tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn, hoạt động trải nghiệm và học 2 buổi/ngày.

Chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và Ban nhân dân ấp quan tâm hỗ trợ trong phạm vi có thể; tuy nhiên **nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế**, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cấp cơ sở vật chất theo quy định của CTGDPT 2018 (phòng chức năng, phòng nghệ thuật, phòng ngoại ngữ, thiết bị học tập tối thiểu).

Các chương trình xã hội hóa, huy động nguồn lực từ cộng đồng tuy có triển khai nhưng chưa mạnh; việc huy động kinh phí sửa chữa, bảo trì, mua sắm thiết bị dạy học chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách của cấp trên.

Bối cảnh kinh tế – xã hội nêu trên tạo ra những **tác động trực tiếp** đến việc triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường, đặc biệt là:

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tại điểm lẻ còn gặp nhiều trở ngại.
- Triển khai hoạt động trải nghiệm – STEM, giáo dục công dân số còn hạn chế về môi trường trải nghiệm.
- Công tác chuyển đổi số trong dạy học cho học sinh chưa đạt hiệu quả như mong muốn do thiếu thiết bị cá nhân và đường truyền Internet yếu tại một số khu vực.

6. Thuận lợi và khó khăn khi triển khai nhiệm vụ năm học

6.1. Thuận lợi

Đội ngũ giáo viên ổn định, đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao và luôn nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đạt **100%**, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

Học sinh của trường có **nền nếp tốt, ngoan, lễ phép**, ý thức học tập tích cực; phụ huynh hợp tác chặt chẽ với giáo viên trong quản lý và rèn luyện học sinh, tạo thuận lợi cho việc duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường được **sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên** của UBND xã, Phòng Văn hóa – Xã hội và các đoàn thể địa phương; tạo điều kiện cho trường trong các hoạt động giáo dục, công tác huy động học sinh, chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tinh thần **chủ động đổi mới phương pháp dạy học** của giáo viên khá tốt; nhiều giáo viên mạnh dạn ứng dụng CNTT, học liệu số, khai thác các phần mềm hỗ trợ dạy học, góp phần nâng cao hiệu quả giờ dạy.

Chương trình dạy học 2 buổi/ngày được duy trì ổn định, thuận lợi cho việc tổ chức phụ đạo – bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng sống và năng lực số cho học sinh.

6.2. Khó khăn

Thiếu giáo viên chuyên trách ở các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật; thiếu nhân viên **kế toán – văn thư – thư viện**, dẫn đến kiêm nhiệm nhiều vị trí, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý và chất lượng hoạt động giáo dục.

Cơ sở vật chất còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt tại **điểm lẻ Căn Cú**: phòng học xuống cấp, thiếu phòng học kiên cố, thiếu hệ thống điện – quạt – ánh sáng đạt chuẩn; ảnh hưởng đến nền nếp dạy học, nhất là mùa mưa.

Nhiều học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn (34 học sinh), dẫn đến hạn chế về **học liệu, thiết bị học tập**, khả năng tham gia trải nghiệm – STEM và tiếp cận công nghệ thông tin.

Trường **chưa có đủ phòng chức năng theo quy định của Chương trình GDPT 2018**, như phòng Nghệ thuật, phòng Ngoại ngữ, phòng học bộ môn; phòng Tin học chỉ đáp ứng mức tối thiểu, chưa hỗ trợ tốt cho triển khai năng lực số.

Một số trang thiết bị dạy học tối thiểu đã **xuống cấp theo thời gian**, chưa được bổ sung kịp thời; ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động dạy học trực quan, thực hành và trải nghiệm.

Công tác xã hội hóa gặp khó khăn do **điều kiện kinh tế địa phương không đồng đều**, khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách còn hạn chế.

7. Đánh giá chung

Nhìn chung, với điều kiện thực tế của địa phương, Trường Tiểu học Vĩnh Phong 4 có đủ những yếu tố cơ bản để tổ chức và triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ cán bộ, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn 100%, là nền tảng quan trọng cho việc đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Học sinh có nền nếp tốt, phụ huynh hợp tác, môi trường giáo dục ổn định; đây là thuận lợi lớn trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của năm học. Nhà trường nhận được sự quan tâm chỉ đạo của UBND xã và Phòng Văn hóa – Xã hội, tạo điều kiện trong công tác quản lý, duy trì sĩ số và các hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, trường vẫn còn những khó khăn nhất định: thiếu giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật, thiếu nhân viên kế toán – văn thư – thư viện; cơ sở vật chất chưa đồng bộ, đặc biệt tại điểm lẻ Căn Cứ; các phòng chức năng theo chuẩn CTGDPT 2018 chưa được bổ sung đầy đủ. Một số thiết bị dạy học tối thiểu đã xuống cấp; việc xây dựng và khai thác học liệu số còn hạn chế do điều kiện học sinh chưa đồng đều.

Nhìn tổng thể, điều kiện hiện tại **cơ bản đáp ứng** yêu cầu tổ chức chương trình; tuy nhiên, để thực hiện tốt yêu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số, giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm và phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, nhà trường cần tiếp tục được **bổ sung nhân sự chuyên trách, cải thiện cơ sở vật chất – thiết bị dạy học, tăng cường xã hội hóa và phát huy hiệu quả công tác phối hợp với địa phương và phụ huynh**.

III. MỤC TIÊU – CHỈ TIÊU NĂM HỌC

1. Mục tiêu chung

Thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì nền nếp, kỷ cương và môi trường giáo dục an toàn – thân thiện – lành mạnh.

Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo chất

lượng chuyên môn; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trong bối cảnh điều kiện địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể theo nhóm nhiệm vụ

Theo định hướng Công văn 4555/BGDĐT-GDTH và CV 2345/BGDĐT-GDTH, mục tiêu cụ thể gồm 03 nhóm:

2.1. Nhóm 1: Phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Giáo dục học sinh hình thành 5 phẩm chất chủ yếu: chăm học – chăm làm, trách nhiệm, trung thực, kỷ luật, yêu thương.

Phát triển 10 năng lực cốt lõi, đặc biệt là:

- Năng lực ngôn ngữ;
- Năng lực tính toán;
- Năng lực giải quyết vấn đề – sáng tạo;
- Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông;
- Năng lực công dân số theo Thông tư 02/2025.

100% học sinh được tham gia hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục STEM ở mức phù hợp với điều kiện nhà trường.

Tăng cường giáo dục đạo đức, văn hóa ứng xử, kỹ năng phòng chống bạo lực học đường, phòng tránh tai nạn thương tích.

2.2. Nhóm 2: Chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp – đánh giá

Thực hiện nghiêm túc chương trình các môn học theo CTGDPT 2018 và phân phối chương trình đã được phê duyệt.

100% giáo viên thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

100% giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực, có ứng dụng CNTT.

Triển khai hiệu quả mô hình **dạy học 2 buổi/ngày**, tăng thời lượng rèn đọc, rèn viết, phụ đạo – bồi dưỡng.

Tổ chức dạy học môn Tin học và Ngoại ngữ theo đúng quy định, đảm bảo số tiết tối thiểu.

Đưa các chủ đề tích hợp vào dạy học: môi trường, biển đảo, phòng chống đuối nước, an toàn giao thông, văn hóa địa phương, giáo dục QPAN.

2.3. Nhóm 3: Chuyển đổi số – giáo dục công dân số – học liệu số

100% giáo viên sử dụng học bạ số, kế hoạch bài dạy số, phần mềm quản lý và nền tảng số của ngành.

100% lớp sử dụng học liệu số trong dạy học: video bài học, phiếu bài tập điện tử, ứng dụng tương tác.

80% giáo viên sử dụng thành thạo các nền tảng hỗ trợ (Padlet, Quizizz, Canva, Azota...).

100% học sinh được rèn kỹ năng công dân số ở mức độ phù hợp với năng lực và điều kiện của nhà trường.

3. Chỉ tiêu cụ thể năm học

3.1. Chỉ tiêu về chất lượng giáo dục

Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: $\geq 98\%$

Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 100%

Tỉ lệ chuyên cần: $\geq 99\%$

Học sinh yếu cần hỗ trợ: $\leq 2\%$

100% học sinh được rèn đọc – viết – tính toán theo chuẩn lớp học.

3.2. Chỉ tiêu về rèn luyện phẩm chất – năng lực

100% học sinh đạt mức “Đạt” về phẩm chất và năng lực theo Thông tư 27.

100% học sinh được tham gia ít nhất 04 hoạt động trải nghiệm lớn trong năm.

100% học sinh được rèn năng lực số căn bản (mức 1 theo TT 02/2025).

3.3. Chỉ tiêu về đội ngũ

100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo CV 2345.

100% giáo viên thực hiện dạy học phát triển năng lực; không có giáo viên vi phạm chuyên môn.

100% giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn chương trình.

Bổ sung được tối thiểu 01 giáo viên Âm nhạc hoặc Mỹ thuật (nếu có điều kiện).

3.4. Chỉ tiêu về cơ sở vật chất – thiết bị

Tu sửa nhỏ 05 phòng học cấp 4; bổ sung quạt – đèn – trang thiết bị thiết yếu.

Tăng cường thiết bị trực quan cho các môn TNXH, KH, HĐTN; bổ sung tối thiểu 02 bộ đồ dùng dạy học/môn.

Duy trì hoạt động hiệu quả phòng Tin học và hệ thống mạng Internet.

3.5. Chỉ tiêu về công tác phối hợp và môi trường giáo dục

100% lớp có góc tuyên truyền phụ huynh – học sinh.

100% lớp tổ chức sinh hoạt chủ điểm theo tháng.

Không có học sinh vi phạm kỷ luật mức độ nghiêm trọng.

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

A. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Kế hoạch thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Nhà trường tổ chức dạy học theo chương trình GDPT 2018, bảo đảm đúng số tiết/tuần theo quy định:

- Khối 1, 2, 3: **32 tiết/tuần**
- Khối 4, 5: **33 tiết/tuần**
- Dạy học 2 buổi/ngày cho **100% học sinh toàn trường**
- Bảo đảm số tuần thực học: **35 tuần/năm học**

Các môn học và hoạt động giáo dục được tổ chức theo phân phối chương trình chi tiết tại:

Phụ lục 1.1 (Phân phối thời lượng các môn học theo từng khối lớp)

Phụ lục 1.4 (Khung thời gian thực hiện chương trình)

2. Thực hiện chương trình môn học

2.1. Nguyên tắc

- Bảo đảm tính **đủ – đúng – linh hoạt** theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
- Không cắt xén chương trình, không dồn tiết trái quy định.
- Cho phép tích hợp nội dung chỉ khi phù hợp yêu cầu cần đạt.

2.2. Tổ chức dạy học từng môn

Việc dạy học các môn: Tiếng Việt, Toán, TNXH, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Tin học, Ngoại ngữ được thực hiện theo **Phụ lục 2 – Kế hoạch dạy học chi tiết từng môn**, trong đó ghi rõ:

- Mạch nội dung
- Yêu cầu cần đạt
- Số tiết/năm
- Hoạt động trọng tâm
- Điều chỉnh – bổ sung (nếu có)
- Hình thức ứng dụng CNTT và học liệu số

3. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

Căn cứ Công văn 4567/BGDĐT và điều kiện nhà trường:

- 100% lớp học buổi sáng học chương trình chính khóa.
- Buổi chiều tổ chức:
 - Rèn đọc – rèn viết – rèn tính toán
 - Phụ đạo học sinh gặp khó khăn
 - Bồi dưỡng năng khiếu (khi đủ điều kiện)
 - Luyện tập Tin học – kỹ năng số
 - Hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm
- GV chủ nhiệm chịu trách nhiệm chính; các GV, TPT Đội hỗ trợ.

4. Tổ chức kiểm tra – đánh giá học sinh

- Thực hiện đúng Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.
- Đánh giá thường xuyên qua quan sát – hồ sơ học tập – sản phẩm học sinh.
- Đánh giá định kỳ vào giữa học kỳ và cuối học kỳ theo kế hoạch năm học.
- Sử dụng học bạ số theo chỉ đạo của Bộ và Sở.
- Không tạo áp lực thi cử, không dạy thêm – học thêm trái quy định.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC MỚI

1. Đổi mới phương pháp dạy học

- Tăng cường dạy học theo hướng **phát triển phẩm chất – năng lực**.
- Áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực: khăn trải bàn, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, hoạt động nhóm.
- Đẩy mạnh dạy học trải nghiệm, dự án (STEM ở mức phù hợp).
- Đổi mới tiết “Hoạt động trải nghiệm” theo chủ điểm tháng.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin – chuyển đổi số

- 100% GV soạn giáo án điện tử, khai thác học liệu số.
- Triển khai nền tảng học tập: Padlet – Quizizz – Azota – Canva.
- Thực hiện vở số – bài tập số theo kế hoạch của Sở.
- Hướng dẫn học sinh kỹ năng công dân số theo Thông tư 02/2025.
- Tận dụng thư viện số, video minh họa, tài liệu trực quan.

3. Tổ chức dạy học theo nhóm đối tượng

- Phụ đạo học sinh chậm tiến bộ: tối thiểu 2 buổi/tuần.
- Bồi dưỡng học sinh hoàn thành tốt: theo chủ đề mở rộng.
- Hỗ trợ học sinh nghèo, cận nghèo về học liệu và thiết bị.
- Cá thể hóa dạy học cho học sinh dân tộc thiểu số (khi có HS).

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ CÁC MÔN TÍCH HỢP

1. Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp

Triển khai theo CT2018 và Công văn 3535:

- 02 hoạt động cấp trường/năm (Trung thu – Ngày hội 26/3 – Ngày hội đọc sách).
- 08 hoạt động cấp khối/lớp theo chủ điểm.
- Hoạt động rèn kỹ năng sống, vệ sinh cá nhân, an toàn giao thông.

(Kế hoạch chi tiết: **Phụ lục 1.2**)

2. Giáo dục địa phương

- Tổ chức 08 chủ đề/khối/năm theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang.
- Nội dung: truyền thống địa phương, bảo tồn văn hóa, ATGT, phòng chống đuối nước, bảo vệ môi trường.

3. Giáo dục quốc phòng – an ninh (QPAN)

Lồng ghép theo Thông tư 08/2024:

- Giới thiệu truyền thống LLVT nhân dân.
- Kỹ năng phòng tránh nguy hiểm, nhận biết tình huống khẩn cấp.
- Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc phù hợp cấp tiểu học.

4. Giáo dục công dân số – năng lực số

Thực hiện theo Thông tư 02/2025:

- Kỹ năng sử dụng thiết bị số an toàn.
- Nhận diện thông tin sai lệch – ứng xử văn minh trên môi trường mạng.
- Tạo sản phẩm công nghệ đơn giản (bài trình chiếu, áp phích Canva).

5. Tổ chức các câu lạc bộ – hoạt động ngoại khóa

Theo điều kiện nhà trường:

- CLB: Aerobic, Tin học.
- CLB đọc sách – thư viện xanh.
- Rèn luyện năng lực số, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự phục vụ.

(Kế hoạch: **Phụ lục 1.3**)

6. Kế hoạch phối hợp giáo dục

- GV – PHHS trao đổi định kỳ và đột xuất.
- Tổ chức họp PHHS 3 lần/năm.
- Phối hợp Công an – Y tế – Đoàn thể trong các chuyên đề an toàn trường học.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về chuyên môn – chương trình – đổi mới phương pháp dạy học

1.1. Thực hiện chương trình và phân phối chương trình

Triển khai nghiêm túc chương trình theo CTGDPT 2018; dạy học đủ số tiết, đúng tiến độ, không cắt xén, không dồn tiết trái quy định.

Xây dựng kế hoạch dạy học theo Công văn 2345; rà soát điều chỉnh kế hoạch hằng tháng, hằng kỳ.

1.2. Đổi mới phương pháp dạy học

Tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tăng cường các kỹ thuật dạy học tích cực, dạy học phân hóa và cá thể hóa.

Tăng cường dạy học trải nghiệm – hoạt động dự án – giáo dục STEM phù hợp điều kiện nhà trường.

Tổ chức rèn đọc – rèn viết – rèn nề nếp cho học sinh yếu, học sinh lớp 1, 2.

1.3. Đánh giá học sinh

Thực hiện đánh giá theo Thông tư 27, kết hợp đánh giá thường xuyên và định kỳ.

Sử dụng học bạ sổ; triển khai phiếu quan sát, hồ sơ học tập, nhận xét kịp thời.

2. Giải pháp về đội ngũ giáo viên – nhân viên

2.1. Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn

100% giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn CTGDPT 2018; bồi dưỡng thường xuyên; bồi dưỡng năng lực số theo kế hoạch của Sở.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, theo cụm chuyên môn hoặc trực tuyến nếu cần.

2.2. Kiện toàn và bổ sung đội ngũ

Tham mưu UBND xã và Phòng VH–XH đề nghị bổ sung giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật, nhân viên kế toán – văn thư – thư viện.

Phát huy vai trò GV chủ nhiệm trong quản lý lớp học, giáo dục toàn diện.

2.3. Công tác thi đua – khen thưởng

Xây dựng tiêu chí thi đua rõ ràng, gắn với kết quả triển khai chương trình, đổi mới PPDH, ứng dụng CNTT và nâng cao chất lượng học sinh.

3. Giải pháp về cơ sở vật chất – thiết bị dạy học

3.1. Bảo đảm phòng học và cơ sở vật chất

Sửa chữa, nâng cấp các phòng học xuống cấp; bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng, quạt trần, bàn ghế và các trang thiết bị thiết yếu cho các phòng học cấp 4 Tăng cường điều kiện dạy học tại **điểm lẻ Căn Cứ**, bảo đảm điện sáng, quạt, ánh sáng tự nhiên và những thiết bị hỗ trợ tối thiểu để duy trì chất lượng dạy học ổn định.

Rà soát, lập danh mục ưu tiên sửa chữa và trình UBND xã – Phòng VH–XH đề nghị hỗ trợ theo kế hoạch năm.

3.2. Thiết bị dạy học tối thiểu

Rà soát đầy đủ danh mục thiết bị tối thiểu của từng môn học theo quy định của Bộ GDĐT; thống kê những thiết bị hư hỏng, thất thoát hoặc không còn phù hợp.

Đề xuất bổ sung kịp thời **các bộ thiết bị môn Toán, Tiếng Việt, TNXH, KHTN, Tin học, Ngoại ngữ, Hoạt động trải nghiệm**.

Tăng cường học cụ trực quan, tranh ảnh, mô hình cho môn TNXH, Khoa học và Hoạt động trải nghiệm để hỗ trợ phương pháp dạy học tích cực.

3.3. Nâng cấp phòng Tin học – chuyển đổi số

Duy trì hoạt động ổn định của phòng Tin học; đảm bảo tỷ lệ **01 học sinh/01 máy**, hoặc tối thiểu 02 học sinh/01 máy đối với những tiết đồng học sinh.

Kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống máy tính, máy chiếu, loa – màn hình trình chiếu.

Cải thiện đường truyền Internet tại điểm chính; trang bị thiết bị kích sóng, **bộ phát Wi-Fi bổ sung cho điểm lẻ Căn Cứ** nhằm đảm bảo phục vụ chuyển đổi số trong dạy – học.

4. Giải pháp về chuyển đổi số – học liệu số – công dân số

4.1. Ứng dụng CNTT trong dạy học

100% giáo viên sử dụng **giáo án điện tử**, học liệu số, bài giảng trực quan và nền tảng số trong dạy học.

Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng về **Canva, Padlet, Azota, Quizizz, Liveworksheets**, và một số phần mềm hỗ trợ dạy học theo định hướng chuyển đổi số.

Khuyến khích giáo viên thiết kế sản phẩm bài giảng số và chia sẻ trong tổ chuyên môn.

4.2. Xây dựng kho học liệu số – tài nguyên dùng chung

Xây dựng kho học liệu số theo từng khối lớp bao gồm: bài giảng PowerPoint, video minh họa, phiếu học tập, bài tập số, câu hỏi trắc nghiệm.

Mã hóa bài giảng bằng **mã QR** để phục vụ cho việc **truy cập nhanh** của học sinh và phụ huynh.

Duy trì kho tài nguyên số chung của trường; khuyến khích giáo viên khai thác và bổ sung thường xuyên.

4.3. Giáo dục năng lực số và công dân số

Lồng ghép nội dung **kỹ năng công dân số** vào tất cả các môn học theo Thông tư 02/2025 của Bộ GDĐT.

Hướng dẫn học sinh kỹ năng an toàn thông tin: bảo vệ dữ liệu cá nhân, tìm kiếm thông tin đáng tin cậy, nhận diện tin giả, ứng xử văn minh trên môi trường mạng.

Định hướng học sinh tạo sản phẩm số đơn giản: thiệp điện tử, tranh Canva, bài trình chiếu.

5. Giải pháp về phối hợp – xã hội hóa – an toàn trường học

5.1. Phối hợp với phụ huynh

Tăng cường truyền thông qua họp phụ huynh, bảng tin nhà trường, nhóm Zalo lớp, hệ thống mã QR chứa thông tin tuyên truyền.

Phối hợp giáo viên – phụ huynh trong quản lý nền nếp, rèn luyện kỹ năng tự học, hỗ trợ học liệu, đảm bảo sĩ số 100%.

5.2. Công tác xã hội hóa

Tham mưu với UBND xã vận động sự hỗ trợ từ Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học, các mạnh thường quân nhằm bổ sung cơ sở vật chất, hỗ trợ sách giáo khoa và dụng cụ học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Xây dựng và phát triển **thư viện xanh – góc đọc sách lớp học**, khuyến khích học sinh đọc sách mọi lúc, mọi nơi.

5.3. Công tác an ninh – an toàn trường học

Tổ chức chuyên đề phòng chống bạo lực học đường; phòng tránh tai nạn thương tích; an toàn giao thông; phòng chống đuối nước.

Xây dựng môi trường giáo dục **an toàn – lành mạnh – thân thiện**, thực hiện đầy đủ bộ Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục theo quy định.

Phối hợp Công an xã trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự xung quanh trường học.

6. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Phó Hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và nhân viên; đảm bảo thống nhất trong việc triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện theo tháng – học kỳ; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, rà soát mức độ hoàn thành kế hoạch giáo dục sau mỗi học kỳ và báo cáo Ban Giám hiệu để kịp thời điều chỉnh.

Tổ chức công tác **kiểm tra nội bộ trường học** theo kế hoạch năm học, bao gồm:

- Kiểm tra chuyên đề và kiểm tra theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học;
- Kiểm tra toàn diện giáo viên;
- Kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn và hồ sơ giáo viên;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày và việc ứng dụng CNTT – chuyển đổi số.

Thực hiện **sơ kết giữa học kỳ, sơ kết học kỳ I và tổng kết năm học**; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời các nội dung chưa phù hợp.

Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện; đảm bảo việc triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường thống nhất, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa – Xã hội xã Vĩnh Phong (báo cáo);
- UBND xã Vĩnh Phong (để chỉ đạo);
- Các Tổ chuyên môn (thực hiện);
- Giáo viên, nhân viên toàn trường (phối hợp);
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Thu